Bộ Xây dựng
25-04-2023
16:39:16 +07:00

BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 118 /GCN-BXD	*Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2023*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hà Nội và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 30/03/2023.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hà Nội,

Mã số thuế: 0101542947

Địa chỉ: Lầu 7, Tòa nhà Silver Sea Tower, số 47 Ba Cu, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm công trình

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Thôn Viên Nội, xã Vân Nội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 743**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế cho các Giấy chứng nhận số 873/GCN-BXD ngày 18/12/2018 và số 220/GCN-BXD ngày 09/9/2020 của Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hà Nội;
- Sở XD Hà Nội;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 743

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 118 /GCN-BXD, ngày 25 tháng 04 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên phép thử thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	**XI MĂNG**	
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03; TCVN 6067:1
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích, hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 6017:2015 ; TCVN 8875 :12 ; TCVN 8876 :12
	Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:2005
2	**THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143-10a ;
	Xác định độ cứng Vebe	TCVN 3107 :2022
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022;
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022;
	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:2022; ASTM C138/C137/C173/C231; AASHTO T152-05
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112: 2022; ASTM C642-06
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642-06
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115: 2022; ASTM C642-06
	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022
	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118: 2022; ASTM C39/C42/C873; ASHTO T22-10; AASHTO T140-7(09); AASHTO T24-07
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C78-10; ASTM C293-10; AASHTO T97-10 ; AASHTO T77- 10
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:2022; ASTM 496-11; AASHTO T198-09;
	Xác định độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012; ASTM C1611:05
	Xác định nhiệt độ hỗn hợp của bê tông	TCVN 9340:2012; ASTM C496-11; AASHTO T309:11
	Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
3	**CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**	
	Xác định thành phần cỡ hạt; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn; Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng séc cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc; Xác định độ nén dập, hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng hạt yếu mềm, phong hóa; Xác	TCVN 7572:06

STT	Tên phép thử thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	định hàm lượng mica; Xác định hàm lượng hạt bị dập vỡ; Xác định hàm lượng sulfat và sulfic;	
	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419-98; AASHTO T176
	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn sàng 0.075 mm bằng PP rửa	TCVN 9205:2012; AASHTO T11-05
4	**BÊ TÔNG XI MĂNG CỐT SỢI**	
	Đo tính đồng nhất của hỗn hợp bằng phương pháp thí nghiệm độ sụt; Đo hàm lượng sợi GRC (PP rửa); Đo chất lượng sợi GRC (PP phun); Thí nghiệm uốn; Xác định sự hấp phụ nước bằng cách ngâm và xác định mật độ khô; Thí nghiệm thay đổi độ dài theo độ ẩm; Xác định độ bền khí hậu	BS EN 1170:98 (Part 1÷8)
5	**THÍ NGHIỆM ĐẤT**	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D 5550-06; ASTM D854-00; AASHTO T100:06
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D 2216-10; ASTM D 4959-07
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; ASTM D 4318-10; AASHTO T89.T90
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012; ASTM D422-07; ASTM C136-06; ASTM D 1140-00; AASHTO T88; T27
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012; ASTM D3080-11
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 12790:2020; TCVN 4201:2012; 22TCN 333:06 ; ASTM D1557:02,D698 ;AASHTO T99,T180
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D2937 :71
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332 :2006 ; ASTM D 1883-07 AASHTO T193-10
	Xác định hàm lượng hữu cơ bằng PP lò nung	14TCN 148 :05 ; ASTM D2974 :13 ; AASHTO T267
	Xác định hệ số thấm	TCVN 8723 :12 ; ASTM D2434 :2000
	Thí nghiệm nén một trục có nở hông	ASTM D2166 :2006
6	**THÉP XÂY DỰNG**	
	Thử kéo	TCVN 197:2014;ASTM A370:11; ASTM E8/E8M; AASHTO T68:09
	Thử uốn	TCVN 198:2008; ISO 7438:2005; ASTM A370:11; ASTM A90/A90M; ASTM E885
	Thử phá hủy mối hàn VLKL-thử uốn	TCVN 5401:2010; ASTM A184/184M
	Thử phá hủy mối hàn VLKL-thử kéo ngang	TCVN 8310:2010; ASTM A333/333M
	Thử phá hủy mối hàn VLKL-thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
	Thử kéo bu lông – đai ốc	TCVN 1916:95; ASTM A325M:09; ASTM A370:02; ASTM D429:03; ASTM E8M:00; ASTM F606:02
	Chiều cao gân, bước gân ngang, độ nghiêng của gân ngang, độ nghiêng cạnh của gân ngang, chu vi không có gân lớn nhất	TCVN 7937:2013
7	**BÊ TÔNG NHỰA**	
	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm; Phương pháp xác định thành phần hạt; Phương pháp xác	TCVN 8860:2011; AASHTO T164, T166, T172, T209 T245; ASTM D1559, D2041, D2172, D2726, D6927;

STT	Tên phép thử thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đó đầm nén; Phương pháp xác định độ chảy nhựa; Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát; Phương pháp xác định hệ số độ chặt lu lèn; Phương pháp xác định độ rỗng dư; Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu; Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Phương pháp xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	
8	**NHỰA BITUM**	
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D5; AASHTO T49:06
	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005; ASTM D 113-07; AASHTO 51-09
	Xác định nhiệt độ hóa mềm	TCVN 7497:2005; ASTM D 36 :00; AASHTO T53:06
	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2 :2011 ; TCVN 7498:2005; ASTM D92:02; AASHTO T48 :06
	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng	TCVN 7499:2005; ASTM D6-95; AASHTO T47-98
	Xác định lượng hòa tan trong Trichlorothylene	TCVN 7500:2005; ASTM D2042-09; AASHTO T44 :03
	Xác định khối lượng riêng ở 25^0C	TCVN 7501:2005; ASTM D70-09; AASHTO T288-09
	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D3625-05; AASHTO T182 :84
9	**VỮA XÂY DỰNG**	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn; Xác định cường độ uốn và nén của vữa; Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn; Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền; Xác định hàm lượng ion clo hoà tan trong nước; Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121:2003; ASTM C109, C230, C807, C953, C1102, C1152, C1218, C1398, C1437; TCVN 9080:12
10	**GẠCH XÂY**	
	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ rỗng	TCVN 6355:09
11	**BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA**	
	Xác định thành phần hạt; khối lượng mất khi nung; hàm lượng nước; hệ số hao nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Chỉ số hàm lượng của bột khoáng; hàm lượng chất hòa tan trong nước; Độ trương nở thể tích; của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; Khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường; Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của bột khoáng chất và nhựa đường	TCVN 13567:2022; TCVN 12884:2020 ;AASHTO T27; AASHTO T100,
12	**GẠCH BÊ TÔNG**	

STT	Tên phép thử thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ rỗng; Xác định độ bền nén; Xác định độ thấm nước; Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
13	**NƯỚC DÙNG CHO XÂY DỰNG**	
	Xác định màu sắc của nước bằng mắt thường	TCVN 6185:2008
	Xác định hàm lượng cặn không tan, Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN4560:1988; TCVN 4506:2012
	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011
	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996
	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO_4)	TCVN 6200:1996
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186:1996
14	**THÍ NGHIỆM BENTONITE**	
	Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo; Lượng mất nước, độ ph, độ dày áo sét, độ ổn định; lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017
15	**THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG**	
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	TCVN 12791:2020; TCVN 8730:2012; 22TCN 02:71; TCVN 8728:12; TCVN 8729:12; ASTM D2937; AASHTO T204
	Xác định độ chặt của nền, móng đường bằng PP rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8728:12; TCVN 8729:12; ASTM D1556:00; AASHTO T191
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950
	Xác định tính đồng nhất của bê tông PP siêu âm	TCVN 9396:2012; ASTM D6760:14
	Kiểm tra độ thẳng vách cọc khoan nhồi	TCVN 9395:2012
	Xác định modun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần benkenman	TCVN 8867:2011; AASHTO T256:77; ASTM D4695-96
	Xác định modul đàn hồi của nền đất và lớp kết cấu áo đường bằng PP tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
	Xác định khối lượng thể tích đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012 22 TCN 346:2006
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965-96
	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:11; ASTM D4429-09a
	Thử không phá hủy xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
	Phương pháp hỗn hợp siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
	Thử khả năng chịu tải và độ thấm nước của ống cống Bê tông cốt thép và cống hộp BTCT	TCVN 9113:2012; TCVN 9116 :2012
	Thử khả năng chịu tải và độ thấm nước của rãnh dọc chịu lực và không chịu lực (có nắp và không có nắp) qua đường, mương bê tông thành mỏng	TCVN 11362 :2016 ; TCVN 6394 :2014 ; TCVN 12440 :2017
	Kiểm tra khả năng chịu tải của bó vỉa bê tông đúc sẵn	TCVN 10797:2015
	Kiểm tra khả năng chịu tải cho gối cống bê tông đúc sẵn	TCVN 10799:2015

STT	Tên phép thử thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Thí nghiệm hiện trường bằng tải trọng ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143:07; ASTM D3689:07

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.